TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2025/DS-PT

Ngày: 11/9/2025.

V/v tranh chấp đòi lại tài sản, huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Lê Văn Thường**

ông **Đinh Phước Hoà**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: bà **Phạm Thị Nguyệt Minh**, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2025/TLPT-DS ngày 14/6/2024 về tranh chấp đòi lại tài sản, huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226B/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1946;

Nơi cư trú: số A đường P, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ liên lạc: số C đường L, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là số C đường L, phường T, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông Vũ Đình S - sinh năm 1974 (văn bản uỷ quyền ngày 20/9/2024).

Địa chỉ: tổ A, V, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường T, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Mỹ L1 - sinh năm 1985;

Nơi cư trú: số G đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên; địa chỉ liên lạc: lô B khu dân cư C, khu phố L, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là lô B, khu dân cư C, khu phố L, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* bà Nguyễn Thị Mỹ L2 - sinh năm 1979 (văn bản uỷ quyền ngày 25/8/2023).

Địa chỉ: lô B khu dân cư C, khu phố L, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là lô B khu dân cư C, khu phố L, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Bà L2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn P (chết năm 2021);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn P*:*

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L2 - sinh năm 1979;

Địa chỉ: lô B khu dân cư C, khu phố L, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là lô B khu dân cư C, khu phố L, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Bà L2 đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Bà L2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L1 - sinh năm 1985;

Nơi cư trú: số G đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên; địa chỉ liên lạc: lô B khu dân cư C, khu phố L, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là lô B khu dân cư C, khu phố L, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Bà L1 đồng thời là bị đơn trong vụ án.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ L1*:* bà Nguyễn Thị Mỹ L2 - sinh năm 1979 (văn bản uỷ quyền ngày 25/8/2023).

Địa chỉ: lô B khu dân cư C, khu phố L, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là lô B khu dân cư C, khu phố L, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Bà L2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Quốc L3 - sinh năm 1983;

Địa chỉ: theo bà L1 và bà L2 trình bày hiện ở Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể.

3.2. Ông Trần Trọng L4 - sinh năm 1975, bà Phan Thị Thiên T - sinh năm 1980;

Cùng trú tại: D, đường số B, khu đô thị H, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là khu đô thị H, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1948;

Nơi cư trú: A S, W, K, USD (Hoa Kỳ). Vắng mặt.

3.4. Ông Nguyễn Hoàng Châu J - sinh năm 1952;

Nơi cư trú: 12841 E C, USA. Vắng mặt.

3.5. Ông Nguyễn Văn D (JumVan Nguyễn) - sinh năm 1962;

Nơi cư trú: A O, C, USA. Vắng mặt.

3.6. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Phú Yên (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

3.7. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đắk Lắk). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.8. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh P (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ). Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Nguyên diện tích đất tọa lạc tại số G đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) có nguồn gốc của cha, mẹ bà Nguyễn Thị L (ông Nguyễn Văn M1 và bà Trần Thị M2) chết để lại. Do các thành viên trong gia đình không thỏa thuận được nên bà Nguyễn Thị L khởi kiện tranh chấp thừa kế theo pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày 04/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, công nhận nhà và đất tại G N, phường C, T, Phú Yên là di sản thừa kế. Giao quyền sở hữu ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất tại G N, phường C, T, Phú Yên trị giá 9.165.583.000đồng cho các ông, bà: Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hoàng Châu J và Nguyễn Văn D do bà Nguyễn Thị L đại diện nhận và có trách nhiệm phải thối lại giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Văn P số tiền 2.181.441.720đồng; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 811237 ngày 30/9/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho ông Nguyễn Văn P đối với nhà đất tại G N, phường C, T, Phú Yên. Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hoàng Châu J, ông Nguyễn Văn D do bà Nguyễn Thị L làm đại diện có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà G N, phường C, T, Phú Yên.

Sau đó, ông P kháng cáo. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 217/2019/DSPT ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa án DSST số 08/2019/DSST ngày 04/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Ngày 30/12/2019, bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm Bản án DSPT số 217 nêu trên. Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định Giám đốc thẩm số 02/2021/DS-GĐT

ngày 09/3/2021 tuyên hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 217/2019/DSPT ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày 04/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Sau khi có Quyết định Giám đốc thẩm số 02/2021/DS-GĐT ngày 09/3/2021 của Tòa án nhân dân tối cao, bà L tiến hành các thủ tục theo quy định thì đã phát hiện sau khi có Bản án dân sự phúc thẩm số 217 thì ngày 18/11/2019, ông Nguyễn Văn P lập Hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất G N, phường C, T, Phú Yên cho ông Trần Trọng L4, được chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T ký xác nhận tại trang 4 nội dung ông P đã chuyển nhượng cho ông Trần Trọng L4 theo quy định. Ngày 02/12/2019, ông Trần Trọng L4 tiếp tục lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho bà Nguyễn Thị Mỹ L1 được Văn phòng C chứng thực theo quy định và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho bà L1 theo quy định.

Nay bà L cho rằng: nhà và đất 07 N đã được Quyết định Giám đốc thẩm số 02/2021/DS-GĐT ngày 09/3/2021 của Tòa án nhân dân tối cao công nhận cho bà nên các thủ tục hành chính chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sở hữu nhà G N, phường C, T, Phú Yên giữa ông Nguyễn Văn P, Trần Trọng L4, Nguyễn Thị Mỹ L1 là giả tạo, thực tế các bên không có việc chuyển nhượng, vì là người trong gia đình nhằm để hợp thức hóa nhà, đất theo quy định nên vô hiệu. Bà L yêu cầu Toà án giải quyết:

- Hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở giữa ông Nguyễn Văn P với ông Trần Trọng L4 ngày 18/11/2019; giữa ông Trần Trọng L4 với Nguyễn Thị Mỹ L1 ngày 02/12/2019.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp ngày 19/8/2020 cho bà Nguyễn Thị Mỹ L1 với diện tích 191m², thửa đất số 184, tờ bản đồ số D4-III-D-b, thuộc thửa đất số 928, tờ bản đồ 392B, loại đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng đất: lâu dài.

- Công nhận nhà và đất số G đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên cho bà Nguyễn Thị L như tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày 04/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã tuyên.

** Tại đơn trình ngày 04/8/2023 và trong quá trình làm việc, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L1 trình bày:*

Trước đây giữa bà Nguyễn Thị L với ông Nguyễn Văn P tranh chấp với nhau về di sản thừa kế và đã được giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 217/2019/DSPT ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Theo đó: công nhận nhà và đất 07 N, phường C, T, Phú Yên thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn P. Ngày 18/11/2019, ông Nguyễn Văn P đã chuyển

nhượng nhà và đất trên cho ông Trần Trọng L4. Ngày 02/12/2019, ông Trần Trọng L4 chuyển nhượng lại cho bà L1 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 090362 ngày 19/8/2020. Như vậy, bà nhận chuyển nhượng từ người thứ 3 ngay tình là từ ông Trần Trọng L4 đúng quy định. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Các ông, bà:* Nguyễn Thị H, Nguyễn Hoàng Châu J, Nguyễn Văn D *thống nhất trình bày:* thống nhất nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2023, bà* Nguyễn Thị Mỹ L2 *trình bày:* ngôi nhà G N, phường C, T, Phú Yên tài sản của cha, mẹ bà ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị L5 đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng công nhận tại Bản án dân sự phúc thẩm số 217/2019/DSPT ngày 06/11/2019. Sau đó, vì điều kiện nên cha bà Nguyễn Văn P đã chuyển nhượng cho ông Trần Trọng L4. Ông L4 tiếp tục chuyển nhượng lại cho Nguyễn Thị Mỹ L1. Nay bà L khởi kiện đề nghị Tòa án không chấp nhận.

- *Ông* Trần Trọng L4*, bà* Phan Thị Thiên T đã được Tòa án gửi Thông báo về việc tham gia tố tụng và trình bày ý kiến. Các ông, bà đã ký nhận nhưng không có văn bản trình bày gửi đến Tòa.

** Người làm chứng:*

- *Bà* Nguyễn Thị Bích T1 - *Công chứng viên* Văn phòng C *trình bày:* tại thời điểm công chứng, ông Nguyễn Văn P bị bệnh đau chân, đi lại khó khăn nên có mời bà đến nhà lấy chữ ký Hợp đồng chuyển nhượng. Khi bà đến nhà thấy ông P bọc tả, chân đau đi lại khó khăn nhưng tinh thần vẫn minh mẫn, sáng suốt làm chủ được hành vi ý thức của mình và đã tự nguyện ký, điểm chỉ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Về người làm chứng ông Huỳnh Công H1 là do nhà ông P mời tới và ông H1 không có mối quan hệ huyết thống gia đình ông P, ông L4, bà T.

- *Ông* Huỳnh Công H1 đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 21/3/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 124, 133, 163, 166 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 101, 166, 203 của Luật Đất đai 2013; Điều 26, 34, 37, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc "đòi lại nhà và đất G N, phường C, T, Phú Yên và hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở giữa ông Nguyễn Văn P với ông Trần Trọng L4 ngày 18/11/2019; giữa ông Trần Trọng L4 với Nguyễn Thị Mỹ L1 ngày 02/12/2019; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp ngày 19/8/2020 cho bà Nguyễn Thị Mỹ L1 với diện tích đất 191m², thửa đất số 184, tờ bản đồ số D4-III-D-b.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/3/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và giải quyết không đúng về nội dung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 21/3/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk), giao hồ sơ cho TAND tỉnh Đắk Lắk để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nguồn gốc tài sản tranh chấp: năm 2014, bà Nguyễn Thị L khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của ông Nguyễn Văn M1 và bà Trần Thị M2 (cha, mẹ của bà L) chết để lại. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/SST ngày 04/5/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định: "1.4. Giao quyền sở hữu ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại G N, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên trị giá 9.165.583.000đồng cho các ông, bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hoàng Châu J và Nguyễn Văn D, do bà Nguyễn Thị L đại diện nhận và có trách nhiệm thối trả lại giá kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Văn P số tiền 2.181.441.720đồng; 2. Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 811237 ngày 30/9/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho ông Nguyễn Văn P...". Bản án dân sự sơ thẩm này bị ông P kháng cáo. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 217/2019/DSPT ngày 06/11/2019 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tuyên sửa đổi với Bản án dân sự sơ thẩm số 08 nêu trên và quyết định: "2.2. Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại G N... 2.3. Không chấp nhận yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 811237 ngày

30/9/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho ông Nguyễn Văn P đối với nhà đất tại G N". Ngày 30/12/2019, bà L khiếu nại Bản án dân sự phúc thẩm nói trên. Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 02/2021/DS-GĐT ngày 09/3/2021 của Tòa án nhân dân tối cao đã tuyên: "2. Huỷ toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 217/2019/DSPT ngày 06/11/2019 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về vụ án "Tranh chấp di sản thừa kế giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L với bị đơn là ông Nguyễn Văn P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. 3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày 04/5/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên".

[2] Ngay sau khi có Bản án dân sự phúc thẩm số 217/2019/DSPT ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thì ngày 18/11/2019, ông Nguyễn Văn P lập Hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất số 07 đường N cho ông Trần Trọng L4, bà Phan Thị Thiên T, được chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T ký xác nhận tại trang 4, nội dung ông P đã chuyển nhượng cho ông Trần Trọng L4. Đến ngày 02/12/2019, ông Trần Trọng L4 lại tiếp tục lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho bà Nguyễn Thị Mỹ L1 (con gái của ông Nguyễn Văn P), được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho bà Nguyễn Thị Mỹ L1. Rồi ngày 12/8/2022, bà L1 lại lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hoàng V và bà Nguyễn Hải N, được Văn phòng C1 chứng nhận. Như vậy, sau khi xét xử phúc thẩm 12 ngày, ông Nguyễn Văn P chuyển nhượng nhà đất tại số G đường N cho ông Trần Trọng L4 và bà Phan Thị Thiên T. Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông P thì 14 ngày sau, ông L4, bà T lại tiếp tục chuyển nhượng cho bà L1.

[3] Xét thấy, ông L4 và bà T có địa chỉ rõ ràng. Mặc dù án sơ thẩm có đưa ông L4, bà T vào tham gia tố tụng nhưng không tiến hành lấy lời khai của ông L4, bà T để làm rõ quan hệ giao dịch chuyển nhượng giữa ông P và ông L4, bà T là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Án sơ thẩm cũng không điều tra làm rõ ngôi nhà số G đường N hiện nay ai là người đang trực tiếp quản lý. Đồng thời, án sơ thẩm cũng không điều tra làm rõ những lần chuyển nhượng nhà đất tại số G đường N có tính chất tẩu tán, lòng vòng trong một khoảng thời gian ngắn nhưng đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là chưa khách quan. Xét án sơ thẩm có nhiều sai sót trong việc giải quyết vụ án. Những sai sót này, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 21/3/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do huỷ án nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L chưa được xem xét.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: do Bản án dân sự sơ thẩm bị huỷ để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 21/3/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk). Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004358 ngày 25/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Liên